

Số: 844/BC-BDT

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021

Thực hiện công văn số 3607/STC-TTr ngày 07/10/2021 của Sở Tài chính, về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021. Ban Dân tộc báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Ban Dân tộc tiếp tục quán triệt nghiêm túc các văn bản pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Cụ thể: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Ninh Thuận năm 2021 và các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Bên cạnh đó Ban đã kịp thời cập nhật các văn bản, các tin bài về thực hành, tiết kiệm chống lãng phí và đồng thời thực hiện tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của Ban và triển khai lồng ghép qua các cuộc họp của cơ quan phổ biến, quán triệt nội dung nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động cơ quan.

Rà soát và ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ để triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ban Dân tộc không có đơn vị trực thuộc. Lãnh đạo cơ quan phân công cho các trưởng bộ phận phối hợp Ban thanh tra nhân dân có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong năm 2021, không phát hiện có vi phạm trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc ban hành thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được Ban Dân tộc chủ động xây dựng quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Quy định rõ việc quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ ban hành, không sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc công vào việc riêng.

b. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước:

Ban Dân tộc là đơn vị dự toán cấp 1 của tỉnh, trong năm qua đơn vị đã triển khai và thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Định kỳ, Ban đã thực hiện việc công khai, minh bạch tài chính cơ quan hàng quý và năm thông qua trang thông tin điện tử của Ban và đồng thời công khai bằng văn bản tại Bảng thông báo của đơn vị. Hội nghị CBCC tập thể lãnh đạo Ban đã cùng cán bộ, công chức và người lao động công khai công tác thu, chi tài chính năm 2021.

Cắt giảm bớt số lượng cuộc họp khi không cần thiết, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức các cuộc họp, góp phần tích cực tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính.

Đầu năm Ban Dân tộc đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên với tổng số tiền 103.514.698 đồng. Trong năm thực hiện Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban đã thực hiện tiết kiệm 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021, với số tiền: 125.689.179 đồng và tiết kiệm chi ngân sách để tập trung kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19 năm 2021, với số tiền 20.000.000 đồng.

Việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, văn phòng phẩm: Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí sử dụng điện, tắt hẳn nguồn điện tất cả các thiết bị sử dụng điện không sử dụng khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc; tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên; tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người làm việc trong phòng giảm; dự trữ, mua sắm văn phòng phẩm đúng quy định, thực hiện tiết kiệm giấy trong quá trình soạn thảo văn bản, phát hành văn bản trong các phòng chuyên môn của Ban ...Triển khai việc sử dụng phần mềm ISO vào hoạt động của cơ quan nhằm thay thế việc dùng văn bản giấy tờ hành chính trong truyền đạt thông tin, giải quyết công việc của Ban; nối mạng Internet đến 100% máy tính để cán bộ, công chức, viên chức chủ động nghiên cứu thông tin, văn bản pháp luật.

Đơn vị sử dụng điện thoại, văn phòng phẩm, nhiên liệu, công tác phí, hội nghị, tiếp khách,...: Trên tinh thần hết sức tiết kiệm, chỉ sử dụng vào công việc của cơ quan, không có trường hợp nào sử dụng cho mục đích cá nhân.

c. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc:

Việc mua sắm trang thiết bị được thực hiện theo hình thức tập trung. Tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản của cơ quan và thanh lý các tài sản hư hỏng, không

cần dùng. Mở sổ theo dõi cụ thể việc quản lý, sử dụng tài sản của nhà nước đối với từng cán bộ, công chức, viên chức, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản. Tất cả tài sản cố định, công cụ, dụng cụ được theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ, rõ ràng. Đối với tài sản cố định khi mua sắm đều được thẩm định giá và ghi tăng nguồn, tính hao mòn hàng năm, cuối năm do Ban Thanh tra nhân dân phối hợp với Văn phòng kiểm tra, kiểm kê chi tiết.

Chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại: có lệnh điều xe cụ thể cho từng chuyến đi công tác; đối chiếu tiêu hao theo công tơ mét xe để làm căn cứ cấp xăng, dầu; đối chiếu thời hạn sử dụng xe để tiến hành bảo dưỡng theo đúng quy định.

Việc sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện trên đúng mục đích, đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, không sử dụng tài sản công vào mục đích cá nhân.

d. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên:

Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng trụ sở, quản lý đất đai đều đảm bảo đúng mục đích, không sử dụng sai quy định dưới bất kỳ hình thức nào trong quản lý, sử dụng đất đai tài nguyên: Diện tích được giao đơn vị quản lý sử dụng theo đúng mục đích, không có diện tích đất hoang hóa; Không có trường hợp vi phạm quy trình, quy phạm trong sử dụng đất đai.

đ. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động:

Rà soát biên chế nhằm phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; điều chỉnh chỉ tiêu biên chế hành chính theo đúng quy định, sử dụng đúng biên chế được giao nhằm tiết kiệm các nguồn chi ngân sách.

Hầu hết cán bộ công chức và người lao động đã tự giác nghiên cứu để cụ thể hóa nội dung thực hành tiết kiệm chống lãng phí thành hành động cụ thể. Từ đó đề ra những giải pháp trước mắt và lâu dài để triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Năm 2021, không có đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Ban Dân tộc. Tuy nhiên, thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021. Lãnh đạo Ban đã chỉ đạo Văn phòng và Ban Thanh tra nhân dân tiến hành kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong cơ quan. Thời gian qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chi bộ, Lãnh đạo Ban cùng sự phối hợp của Ban Chấp hành Công đoàn và phòng chuyên môn nên công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Ban Dân tộc đã được thực hiện tốt, không có

hiện tượng cán bộ, công chức tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; không phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo.

Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban và cán bộ, công chức, viên chức luôn xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan. Tăng cường công tác quản lý chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; nâng cao vai trò trách nhiệm đối với việc sử dụng kinh phí, quản lý lao động và sử dụng tài sản cơ quan tránh xảy ra tình trạng lãng phí; tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp trong tiết kiệm, chống lãng phí...

Kết quả thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan năm 2021 đã được thực hiện tốt và không có hiện tượng lãng phí.

3. Đánh giá chung:

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị thời gian qua đã có chuyển biến tích cực; Nhận thức và hành động của cán bộ công chức và người lao động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước được nâng cao và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch của đơn vị. Lãnh đạo Ban đã xác định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng nguồn vốn. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó cần tập trung: Học tập, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức và người lao động để thực hiện có hiệu quả hơn; Rà soát, bổ sung các biện pháp về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cho phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị; Thường xuyên kiểm tra đôn đốc cán bộ, công chức và người lao động trong Ban gương mẫu thực hiện tốt việc học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

III. Phương hướng nhiệm vụ năm 2022

Tiếp tục thực hiện các quy định về thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thường xuyên phổ biến và khuyến khích đề ra các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; từ đó tập trung chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả cao, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, phê phán, lên án các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí giúp cho việc triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thuận lợi;

Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả ngân sách nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Dân chủ công khai các hoạt động của đơn vị, học tập tuyên truyền về thực

hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao nhận thức của từng cán bộ, công chức và người lao động.

Khuyến khích thực hiện nếp sống văn minh lành mạnh chống lãng phí.

Xử lý nghiêm đối với những cán bộ, công chức và người lao động vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đồng thời biểu dương khen thưởng đối với những cán bộ, công chức và người lao động thực hiện tốt quy định về thực hành tiết kiệm mà Nhà nước ban hành.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Ban Dân tộc. Báo cáo Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT.



Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC
ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)UBND TỈNH NINH THUẬN
BAN DÂN TỘCKẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
năm 2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ								
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	00	00	00	100%	100%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	0	0	0	0	0	
	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	0	0	0	0	0	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0	0	0	
II Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)								
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	45.5	103.5	103.5	100%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	0	0	0	0	0	

	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	0	0	0	0	0	khoản chi được duyệt
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	0	0	0	0	0	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0	0	0	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	0	0	0	0	0	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0	0	0	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	1	1	1	0	0	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0	0	0	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0	0	0	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0	0	0	

1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0	0	0	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	0	0	0	0	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0	0	0	0	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	0	0	0	0	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án	0	0	0	0	0	
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	500	500	100%	100%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0	0	0	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0	0	0	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0	0	0	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0	0	0	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0	0	0	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0	0	0	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều	m2	0	0	0	0	0	

	chuyên, sắp xếp lại							
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0	0	0	
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0	0	0	
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác							
V Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên								
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0	0	0	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0	0	0	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0	0	0	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0	0	0	
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác							
VI Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0	0	0	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
VII Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	0	0	0	0	0	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	0	0	0	0	0	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0	0	0	0	

1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	0	0	0	0	0	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	0	0	0	0	0	
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	0	0	0	0	0	
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	0	0	0	0	0	
2.5	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	0	0	0	0	0	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	0	0	0	0	0	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0	0	0	
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số cuối kỳ	triệu	0	0	0	0	0	

		đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0	0	0	
VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	0	0	0	0	0	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0	0	0	
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	0	0	0	0	0	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	0	0	0	0	0	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0	0	0	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0	0	0	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0	0	0	0	0	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0	0	0	0	0	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Phan Thị Thanh Thủy

TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Thủy